

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá đất ở tái định cư và giá đất ở thị trường để phục vụ giao đất và thu tiền sử dụng đất tái định cư đối với Công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại Khu vực 4, phường Nhơn Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;*

*Căn cứ Văn bản số 7277/UBND-TH ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương bố trí tái định cư cho 05 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện bố trí tái định cư do ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án HTKT Khu dân cư thuộc khu vực 4, phường Nhơn Bình, TP Quy Nhơn;*

*Căn cứ Văn bản số 6842/UBND-KT ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương giải quyết trường hợp hộ ông Đặng Văn Minh bị ảnh hưởng GPMB thực hiện công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu vực 4, phường Nhơn Bình, TP Quy Nhơn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1079/TTr-STNMT ngày 17/11/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục lô đất và giá đất ở thu tiền sử dụng đất tái định cư, giá đất ở theo giá thị trường để giao đất tái định cư do GPMB phục vụ Công trình HTKT Khu dân cư tại Khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, cụ thể như sau:

**1. Danh mục các lô đất (06 lô)**

- Lô đất số 35đ (lô góc), đường Đ.A2 (lộ giới 15m) và đường Đ.A8 (lộ giới 13m), khu Đ002: diện tích 88,8m<sup>2</sup>.
- Lô đất số 35, đường Đ.A8 (lộ giới 13m), khu Đ002: diện tích 66,9m<sup>2</sup>.
- Lô đất số 43đ, đường Đ.A7 (lộ giới 15m), khu Đ006: diện tích 80m<sup>2</sup>.
- Lô đất số 38đ (lô góc), đường Đ.A7 (lộ giới 15m) và đường Đ.A3 (lộ giới 15m), khu Đ006: diện tích 100m<sup>2</sup>.
- Lô đất số 44đ, đường Đ.A7 (lộ giới 15m), khu Đ006: diện tích 80m<sup>2</sup>.
- Lô đất số 39đ, đường Đ.A7 (lộ giới 15m), khu Đ006: diện tích 60m<sup>2</sup> (*giao cho hộ ông Đặng Văn Minh và thu tiền sử dụng đất theo giá thị trường*).

**2. Giá đất ở để thu tiền sử dụng đất tái định cư và giá đất ở theo giá thị trường đối với các lô đất nêu trên**

- Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư được phê duyệt là 10.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.
- Giá đất ở theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư được phê duyệt là 17.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.
- Đối với các lô đất góc thuộc các Tuyến đường thuộc Khu Tái định cư nêu trên thì áp dụng mức giá đất của đường phố có mức giá cao hơn và nhân thêm hệ số 1,2.

**Điều 2.** Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K17.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**